

BẢNG KẾT QUẢ

Loại hình: Tích hợp 1

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	ĐTB Tích hợp	UTK K	Tổng điểm thường	Tổng điểm tích hợp
1	100035	2	NGUYỄN TUẤN ANH	09/08/2004	Nam	9/1	6.75	8	7.25	9.2	0	36	40.4
2	100040	2	TẶNG THIỀU ANH	15/11/2004	Nữ	9/1	7.25	7.75	5.5	8.5	0	33.25	37.5
3	100079	4	VÕ THÀNH ĐẠI	29/10/2004	Nam	9/1	7.25	6	5	8.7	0	30.5	35.65
4	100119	5	PHAN THANH THÙY DUYÊN	09/07/2004	Nữ	9/1	7.25	5.5	7.5	8.3	0	35	36.85
5	100175	8	NGUYỄN HỒNG MINH HUÝ	17/02/2004	Nam	9/1	5.5	7.5	7.25	8.7	0	33	37.65
6	100222	10	TRẦN ĐÌNH ANH KHOA	23/02/2004	Nam	9/1	8	8.75	7	9.9	0	38.75	43.55
7	100223	10	TRẦN VĨNH NGUYỄN KHOA	12/07/2004	Nam	9/1	6.25	6	2.75	7.9	0	24	30.8
8	100283	12	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	10/11/2004	Nữ	9/1	6	5.75	4.5	8.5	0	26.75	33.25
9	100327	14	NGÔ GIA NGHI	29/10/2004	Nữ	9/1	7.25	8.75	4.75	9.8	0	32.75	40.35
10	100351	15	HUỲNH XUÂN NHÃ	05/02/2004	Nữ	9/1	7.5	6.25	4	8.5	0	29.25	34.75
11	100367	16	PHẠM XUÂN NHI	19/12/2004	Nữ	9/1	7.25	3.5	5.5	6.1	0	29	28.45
12	100385	17	NGUYỄN ĐÌNH PHÁT	28/03/2004	Nam	9/1	6.75	6	5	8.7	1.5	31	35.15
13	100388	17	NGUYỄN TUẤN PHÁT	09/04/2004	Nam	9/1	7.25	6	6.5	8.9	0	33.5	37.55
14	100400	17	HOÀNG NGỌC NHƯ PHÚC	01/03/2004	Nữ	9/1	7.25	7.75	5.5	8.6	0	33.25	37.7
15	100411	18	PHẠM THANH PHƯỚC	31/01/2004	Nam	9/1	6.25	6.75	5.5	7.9	0	30.25	34.3
16	100489	21	NGUYỄN NGỌC MINH THƯ	14/05/2004	Nữ	9/1	7.5	7	5.5	8.4	0	33	36.8
17	100565	24	BÙI PHẠM MINH TUYỀN	16/07/2004	Nữ	9/1	6.75	8.75	6	9.4	0	34.25	40.3
18	100603	26	BÙI NGUYỄN HOÀNG YẾN	08/11/2004	Nữ	9/1	6.25	7.5	5.75	8.6	0	31.5	36.7
1	100009	1	BÙI NGỌC MINH ANH	21/08/2004	Nữ	9/2	7.75	6.75	6.25	9.6	0	34.75	39.95
2	100050	3	DƯƠNG KỶ GIA BẢO	30/07/2004	Nam	9/2	8.5	8.75	7.75	10	0	41.25	45
3	100055	3	PHẠM BÙI DUY BẢO	24/03/2004	Nam	9/2	7	5.25	4.75	7.5	0	28.75	32

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	ĐTB Tích hợp	UTK K	Tổng điểm thường	Tổng điểm tích hợp
4	100088	4	NGUYỄN TẤN ĐẠT	08/12/2004	Nam	9/2	7	6	5.75	8.1	0	31.5	34.95
5	100143	6	TRẦN MINH HIẾU	02/12/2004	Nam	9/2	7.25	8.75	8.75	10	0	40.75	44.75
6	100177	8	NGUYỄN TRUNG ĐỨC HUY	08/04/2004	Nam	9/2	7.25	8	4.75	9.1	0	32	38.2
7	100191	8	NGUYỄN KHANG	10/08/2004	Nam	9/2	7.5	7.25	7.5	8.7	0	37.25	39.65
8	100193	9	NGUYỄN DUY KHANG	18/04/2004	Nam	9/2	7.5	7.75	7.5	9.6	0	37.75	41.95
9	100203	9	VĂN BẢO KHANH	09/01/2004	Nữ	9/2	7.75	8.5	5.25	9.8	0	34.5	41.1
10	100219	10	NGUYỄN MINH KHOA	28/02/2004	Nam	9/2	7	7	5.5	9.2	0	32	37.9
11	100260	11	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH LINH	15/01/2004	Nữ	9/2	7.5	7.25	6.75	9.4	0	35.75	40.3
12	100261	11	NGUYỄN KHÁNH LINH	11/02/2004	Nữ	9/2	5.75	6.5	4	9.2	0	26	34.65
13	100299	13	THẠCH KHIẾT MINH	24/11/2004	Nam	9/2	6.25	8.75	6.5	9.9	1	35.25	41.3
14	100304	13	TRỊNH NHẬT MINH	26/09/2004	Nam	9/2	6.25	7.25	6.25	9.2	0	32.25	38.15
15	100311	13	NGÔ KHẢI NAM	10/05/2004	Nam	9/2	7	8.75	5.5	9.4	0	33.75	40.05
16	100353	15	LÊ TRỌNG NHÂN	10/04/2004	Nam	9/2	6.25	5	6	8.8	0	29.5	34.85
17	100427	18	TRƯƠNG HỒ MINH QUÂN	21/05/2004	Nam	9/2	6.25	8.25	7	8.8	0	34.75	39.1
18	100440	19	LÊ NGUYỄN NHƯ QUỲNH	12/02/2004	Nữ	9/2	7.75	5.5	3.75	7.6	0	28.5	32.2
19	100476	20	NGUYỄN HẠNH ĐOAN THẢO	29/07/2004	Nữ	9/2	7.5	8.75	7.25	10	0	38.25	43.5
20	100491	21	PHẠM VÕ MINH THƯ	12/04/2004	Nữ	9/2	7.5	8.25	7.5	9.8	0	38.25	42.85
21	100492	21	TRẦN MINH ANH THƯ	15/01/2004	Nữ	9/2	8	8	6.25	9.9	0	36.5	42.05
22	100500	21	TRƯƠNG NGUYỄN HỒNG THY	19/05/2004	Nữ	9/2	7.5	6.25	5.25	9.1	0	31.75	37.2
23	100519	22	TRẦN THỊ TÚ TRÂN	11/11/2004	Nữ	9/2	6.75	6.25	5	7.5	0	29.75	33
24	100532	23	TRẦN QUANG TRÍ	26/07/2004	Nam	9/2	7.25	6.25	7.5	8.6	0	35.75	38.2
25	100557	24	NGUYỄN ANH TUẤN	13/03/2004	Nam	9/2	7.5	7	4.75	9.1	0	31.5	37.45
1	100000	1	LÊ TRẦN KHẢ ÁI	07/08/2004	Nữ	9/3	7.75	6.75	6.75	9.6	0	35.75	40.45
2	100008	1	BÙI NGỌC LOAN ANH	02/11/2004	Nữ	9/3	8	5.25	6.75	8.2	0	34.75	36.4
3	100021	1	NGUYỄN LÂM ANH	08/01/2004	Nữ	9/3	6.25	5.5	3.25	8.4	0	24.5	31.8
4	100033	2	NGUYỄN TRÚC ANH	07/06/2004	Nữ	9/3	8.25	9	8.75	10	0	43	46

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	ĐTB Tích hợp	UTK K	Tổng điểm thường	Tổng điểm tích hợp
5	100036	2	NGUYỄN VÕ QUỲNH ANH	07/10/2004	Nữ	9/3	7.75	6.75	6.5	8.7	0	35.25	38.4
6	100058	3	TRƯƠNG LÊ QUỐC BẢO	14/07/2004	Nam	9/3	8	7.25	6.75	8.5	0	36.75	39
7	100099	5	LƯU VIỆT DŨNG	16/10/2004	Nam	9/3	7	8.25	7.25	9.4	0	36.75	41.3
8	100108	5	PHAN TRẦN KHÁNH DƯƠNG	27/11/2004	Nữ	9/3	7.5	5	5.5	8.2	0	31	34.4
9	100168	8	ĐỖ THỊ MỸ HƯỜNG	20/01/2004	Nữ	9/3	8	7.5	8.25	9.4	0	40	42.55
10	100170	8	CUNG PHAN HUY	12/07/2004	Nam	9/3	7.5	7.25	6.75	9.4	0	35.75	40.3
11	100179	8	TRẦN GIA HUY	11/10/2004	Nam	9/3	7	7.75	5	8.3	0	31.75	36.35
12	100230	10	TRẦN NGUYỄN MINH KHÔI	15/09/2004	Nam	9/3	6.25	8.25	6.5	9	0	33.75	39
13	100234	10	LƯU NGỌC KHÁNH KHUYÊN	17/04/2004	Nữ	9/3	6.5	8.75	6.25	8.6	0	34.25	38.7
14	100247	11	NGUYỄN BẢO LAM	16/02/2004	Nữ	9/3	8	7.25	7.75	8.8	0	38.75	40.6
15	100248	11	PHẠM NGỌC LAM	23/08/2004	Nữ	9/3	7.25	7.5	9.5	9.7	0	41	43.65
16	100257	11	LÊ VÕ MỸ LINH	15/07/2004	Nữ	9/3	6.25	5.5	5.25	7.2	0	28.5	31.4
17	100275	12	BÙI HOÀNG LONG	02/02/2004	Nam	9/3	5.5	7.5	7.5	8.2	0	33.5	36.9
18	100279	12	LẠI HOÀNG LONG	14/03/2004	Nam	9/3	6.5	5	5.5	8.5	0	29	34
19	100297	13	NGUYỄN ANH MINH	11/09/2004	Nam	9/3	7	5.25	4.5	7.9	0	28.25	32.55
20	100323	14	PHẠM KHÁNH NGÂN	28/04/2004	Nữ	9/3	7	5.5	6.5	8.2	0	32.5	35.4
21	100330	14	NGUYỄN MAI ĐÔNG NGHI	07/10/2004	Nữ	9/3	7.75	6.5	7.75	8.8	0	37.5	39.6
22	100355	15	PHẠM MINH NHẬT	13/10/2004	Nam	9/3	6.5	7	6.25	9.4	0	32.5	38.55
23	100360	16	HỒ ÁI NHI	10/10/2004	Nữ	9/3	8.25	7.5	8	9.4	0	40	42.55
24	100361	16	LÊ VƯƠNG PHƯƠNG NHI	12/11/2004	Nữ	9/3	7	4.75	5.25	7.6	0	29.25	32.2
25	100370	16	VŨ KHÁNH NHI	27/03/2004	Nữ	9/3	7.5	8.5	9.25	9.8	0	42	44.85
26	100372	16	ĐINH THỊ ÁNH NHƯ	27/01/2004	Nữ	9/3	7.75	3.75	5.5	7.7	0	30.25	32.4
27	100384	17	MAI ĐỨC PHÁT	17/03/2004	Nam	9/3	6.25	4.75	5.5	8.6	0	28.25	33.7
28	100399	17	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG PHÚC	16/02/2004	Nam	9/3	6.25	4.25	4.5	7.4	0	25.75	29.8
29	100414	18	ĐÀO LÊ HÀ PHƯƠNG	20/09/2004	Nữ	9/3	8	8.75	7.5	9.2	0	39.75	42.65
30	100455	19	NGUYỄN HIẾU TÂN	27/11/2004	Nam	9/3	6.75	6	4.5	8	0	28.5	33.25

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	ĐTB Tích hợp	UTK K	Tổng điểm thường	Tổng điểm tích hợp
31	100522	22	NGUYỄN MINH TRANG	16/09/2004	Nữ	9/3	6.5	9.75	4.75	9.6	0	32.25	40.2
32	100526	22	TRIỆU LÊ HUYỀN TRANG	31/08/2004	Nữ	9/3	7.5	7.25	6.5	9.2	0	35.25	39.65
33	100539	23	PHẠM DUY TRỰC	06/01/2004	Nam	9/3	6.5	4.75	5.5	7.6	0	28.75	31.95
34	100563	24	NGUYỄN PHÚ MINH TƯỜNG	07/07/2004	Nam	9/3	7.75	8.5	8	9.2	0	40	42.65
35	100573	24	NGUYỄN MỸ VÂN	08/02/2004	Nữ	9/3	6	4.25	4.25	7.4	0	24.75	29.3